

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND thị xã Bỉm Sơn về việc phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường Bỉm Sơn - Phố Cát - Thạch Quảng, Thạch Thành và Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH UBND THỊ XÃ BỈM SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;
Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số: 1320/QĐ-BGTVT ngày 28/4/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao thông tuyến đường Bỉm Sơn - Phố Cát - Thạch Quảng, Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4545/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định bảng giá đất thời kỳ 2015-2019 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4437/2016/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4925/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành bảng giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, công trình kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;



Căn cứ Quyết định số: 1529/QĐ-UBND ngày 06/5/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư Tiểu dự án GPMB dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường Bim Sơn-Phố Cát-Thạch Quảng, Thạch Thành và Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số: 171/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư GPMB thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường Bim Sơn-Phố Cát-Thạch Quảng, Thạch Thành và Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số: 1283/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn về việc Kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường Bim Sơn-Phố Cát-Thạch Quảng, Thạch Thành và Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Tờ trình số: ~~1341~~ /Tr-HĐBT ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng bồi thường GPMB Thị xã Bim Sơn về việc đề nghị Điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND thị xã Bim Sơn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND thị xã Bim Sơn về việc phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường Bim Sơn-Phố Cát-Thạch Quảng, Thạch Thành và Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa, như sau:

I. TẠI ĐIỀU 1 QUYẾT ĐỊNH SỐ 171/QĐ-UBND NGÀY 13/01/2017 CỦA UBND THỊ XÃ BİM SƠN GHI:

Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB cho các gia đình bị ảnh hưởng dự án; Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường Bim Sơn-Phố Cát-Thạch Quảng, Thạch Thành và Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa (30 hộ đất lúa thôn 3, thôn 4 và thôn 6), với những nội dung sau:

1. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 1.496.476.119 đ
(Một tỷ, bốn trăm chín sáu triệu, bốn trăm bảy sáu nghìn, một trăm mười chín đồng)

Trong đó:

1.1 Kinh phí chi trả trực tiếp: 1.467.133.450 đ

- Bồi thường, hỗ trợ về Đất đai: 1.419.763.750 đ

- Bồi thường, hỗ trợ về Cây hoa màu: 47.369.700 đ

1.2 Kinh phí phục vụ cho công tác bồi thường GPMB: 29.342.669đ

- 2% kinh phí HD: 29.342.669đ.

(Có Bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí: Từ vốn trái phiếu Chính phủ còn dư của các dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh đoạn qua khu vực Tây Nguyên.

3. Bố trí tái định cư: Không.

4. Hỗ trợ di chuyển mồ mã: Không.

II. NAY ĐIỀU CHỈNH NHƯ SAU:

1. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 1.475.927.454 đ

(Một tỷ, bốn trăm bảy mươi lăm triệu, chín trăm hai bảy nghìn, bốn trăm năm tư đồng)

Trong đó:

1.1. Kinh phí chi trả trực tiếp: 1.446.987.700đ

- Bồi thường, hỗ trợ về Đất đai: 1.399.636.000đ

- Bồi thường, hỗ trợ về Cây hoa màu: 47.351.700đ

1.2. Kinh phí phục vụ cho công tác bồi thường GPMB: 28.939.754đ

- Kinh phí HĐ 2%: 28.939.754đ

(Có Bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí: Từ vốn trái phiếu Chính phủ còn dư của các dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh đoạn qua khu vực Tây Nguyên.

3. Bố trí tái định cư: Không.

4. Hỗ trợ di chuyển mồ mã: Không.

5. Lý do xin điều chỉnh:

- Đối với hộ gia đình bà Tống Thị Lài: Xác định lại diện tích, loại đất thu hồi của hộ gia đình bà Tống Thị Lài, địa chỉ: Thôn 6, xã Quang Trung (theo biên bản làm việc giải quyết kiến nghị giữa Hội đồng BT GPMB, UBND xã Quang Trung và hộ gia đình ngày 10/5/2017);

- Đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Quả: Do theo hồ sơ trích đo mới thửa đất của hộ bà Nguyễn Thị Quả không ảnh hưởng dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường Bim Sơn-Phố Cát-Thạch Quảng, Thạch Thành và Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Các nội dung khác của Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND thị xã Bim Sơn không thay đổi.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Chánh văn phòng HĐND và UBND Thị xã Bim Sơn, Trưởng các phòng QLĐT, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên & Môi trường, Kinh tế, Chủ tịch UBND xã Quang Trung, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT.



Bùi Huy Hùng

BẢNG TỔNG HỢP HƯỞNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ GPMB

Dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường Bim Sơn - Phố Cát - Thạch Quảng, Thạch Thành và Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa. (30 hộ đất lúa thôn 3, thôn 4 và thôn 6)

Kèm theo Quyết định số: 2379 /QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn)



ĐVT: VNĐ

ST T	Trường hợp ảnh hưởng	Địa chỉ thửa đất thu hồi	Diện tích đất thu hồi (m2)	Số thửa TD	Số tờ TD	Số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất				Số tiền bồi thường, hỗ trợ về cây hoa màu (đ)	Tổng tiền (đ)
						Bồi thường về đất	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất		
1	Ông Tống Quang Huy Phạm Thị Cồn	Thôn 3	16.6	44	2	780.200	1.170.300	0	1.950.500	74.700	2.025.200
2	Bà Mai Thị Tư	Thôn 3	6.0	1	5	282.000	423.000	0	705.000	27.000	732.000
3	Ông Trương Văn Tự Bà Đặng Thị Bé	Thôn 3	150.4	16	5	7.068.800	10.603.200	0	17.672.000	676.800	18.348.800
4	Bà Dương Thị Nghĩa	Thôn 3	81.3	6	5	3.821.100	5.731.650	0	9.552.750	365.850	9.918.600
5	Ông Đào Trọng Chiến Bà Dương Thị Kỳ	Thôn 3	52.9	15	5	2.486.300	3.729.450	0	6.215.750	238.050	6.453.800
6	Ông Dương Văn Kết Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Thôn 3	2.1	5	5	98.700	148.050	0	246.750	9.450	256.200
7	Ông Trương Văn Duẩn Bà Phạm Thị Sâm	Thôn 3	1.4	17	5	65.800	98.700	0	164.500	6.300	170.800
8	Ông Vũ Văn Quyển Bà Lê Thị Tròn	Thôn 3	94.5	14	5	4.441.500	6.662.250	0	11.103.750	425.250	11.529.000
9	Ông Dương Văn Đoàn Bà Nguyễn Thị Thanh Hiếu	Thôn 3	2.2	4	5	103.400	155.100	0	258.500	9.900	268.400
10	Ông Dương Văn Tuấn Bà Mai Thị Lan	Thôn 3	1659.8	12	5	78.010.600	117.015.900	14.040.000	209.066.500	7.469.100	216.535.600
11	Ông Nguyễn Văn Hòa Bà Dương Thị Sáu	Thôn 3	2009.7	7	5	94.455.900	141.683.850	16.380.000	252.519.750	9.043.650	261.563.400

12	Ông Dương Văn Đỗ Bà Trương Thị Khâm	Thôn 3	2.4	3	5	112.800	169.200	0	282.000	10.800	292.800
13	Ông Vũ Bá Tuyên Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Thôn 6	661	7	3	31.067.000	46.600.500	11.700.000	89.367.500	2.974.500	92.342.000
14	Ông Đặng Văn Nam Bà Mai Thị Tính	Thôn 6	639.9	13	4	30.075.300	45.112.950	11.700.000	86.888.250	2.879.550	89.767.800
15	Ông Đặng Văn Toàn Bà Lê Thị Lý	Thôn 6	92.3 105.2	6 12	2 1	9.282.500	13.923.750	0	23.206.250	888.750	24.095.000
16	Bà Vũ Thị Nho	Thôn 6	291.9	8	3	13.719.300	20.578.950	4.680.000	38.978.250	1.313.550	40.291.800
17	Ông Trần Hải Nhường Bà Nguyễn Thị Kỳ	Thôn 6	714.1	17	3	33.562.700	50.344.050	4.680.000	88.586.750	3.213.450	91.800.200
18	Ông Phạm Văn Tân Bà Khiếu Thị Nga	Thôn 6	725.8	3	3	34.112.600	51.168.900	11.700.000	96.981.500	3.266.100	100.247.600
19	Ông Đặng Xuân Hùng Bà Nguyễn Thị Tuyết	Thôn 6	477.4 552.8	29 6	2 4	48.419.400	72.629.100	0	121.048.500	4.635.900	125.684.400
20	Bà Tống Thị Lại	Thôn 6	35.8 592.6	18 61	2 2	29.534.800	44.302.200	2.340.000	76.177.000	161.100	76.338.100
21	Bà Cao Thị Cẩm	Thôn 6	7.8 643.5	37 26	2 4	30.611.100	45.916.650	7.020.000	83.547.750	2.930.850	86.478.600
22	Ông Trần Văn Trường Bà Nguyễn Thị Loan	Thôn 6	406.5	18	3	19.105.500	28.658.250	9.360.000	57.123.750	1.829.250	58.953.000
23	Ông Nguyễn Tiến Lãng Bà Đặng Thị Mai	Thôn 6	22.1	40	2	1.038.700	1.558.050	0	2.596.750	99.450	2.696.200
24	Bà Mai Thị Nga	Thôn 6	57.3 11.5 312.2	11 18 22	2 4 4	17.907.000	26.860.500	0	44.767.500	1.714.500	46.482.000
25	Ông Mai Quốc Cao Bà Bùi Thị Bốn	Thôn 6	28.2	22	2	1.325.400	1.988.100	0	3.313.500	126.900	3.440.400
26	Bà Nguyễn Thị Quả	Thôn 6	0	33	2	0	0	0	0	0	0
27	Ông Nguyễn Văn Tuấn Bà Đặng Thị Lý	Thôn 6	165.5	37	1	7.778.500	11.667.750	0	19.446.250	744.750	20.191.000
28	Bà Vũ Thị Hoa	Thôn 4	128.5	23	7	6.039.500	9.059.250	0	15.098.750	578.250	15.677.000

29	Ông Nguyễn Xuân Trinh	Thôn 4	338.5	3	9	15.909.500	23.864.250	0	39.773.750	1.523.250	41.297.000
30	Bà Lê Thị Thúy Kiều	Thôn 4	25.5	39	7	1.198.500	1.797.750	0	2.996.250	114.750	3.111.000
	Cộng		1.115.2			522.414.400	783.621.600	93.600.000	1.399.636.000	47.351.700	1.446.987.700
	Kinh phí HĐ 2%										28.939.754
	Tổng cộng										1.475.927.454

(Một tỷ, bốn trăm bảy lăm triệu, chín trăm hai bảy nghìn, bốn trăm năm tư đồng).